TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **101**/2021/DS-ST
Ngày 07 tháng 4 năm 2021
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.

2. Ông Trương Hoàng Hoa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 443/2020/TLST- DS, ngày 18/12/2020 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Bạch D**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh T.

2. Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị Thu H**, sinh năm 1972;

Ông **Lê Ngọc T**, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh T.

(Có mặt chị D; vắng mặt chị H, anh T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 07/12/2020, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 26/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Lê Thị Bạch D trình bày:

Ông Lê Ngọc T và bà Huỳnh Thị Thu H có vay của bà số tiền là 100.000.000 đồng làm nhiều lần, bà H có ký tên, ghi họ tên vào hợp đồng mượn tiền ngày 30/3/2015, hợp đồng không có ghi lãi suất và thời hạn trả nhưng hai bên có thỏa thuận miệng là khi nào bà cần bà sẽ báo trước một tháng. Ngày 16/8/2017, ông T và bà H có vay của bà số tiền là 70.000.000 đồng, bà H có ký tên, ghi họ tên vào biên nhận mượn tiền, biên nhận không có ghi lãi suất, hai thỏa thuận bà H sẽ

trả hàng tháng 3.000.000 đồng nhưng bà H và ông T không trả cho bà được số tiền nào. Tổng cộng, ông T và bà H vay của bà là 170.000.000 đồng. Bà nhiều lần đến nhà ông T, bà H đòi số tiền trên nhưng ông T, bà H cố tình tránh mặt. Bà rút lại yêu cầu ông T phải liên đới với bà H trả cho bà số tiền 170.000.000 đồng, bà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị Thu H phải trả cho bà số tiền vay là 170.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn là ông Lê Ngọc T và bà Huỳnh Thị Thu H đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông bà không đến Tòa án và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà D.

* Tại phiên tòa, bà D vẫn giữ yêu cầu bà Huỳnh Thị Thu H phải trả cho bà số tiền vay là 170.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn là bà Lê Thị Bạch D khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Thu H trả số tiền vay nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông Lê Ngọc T và bà Huỳnh Thị Thu H đến Tòa án nhưng ông bà vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bị đơn là ông T và bà H.

[3] *Về yêu cầu của đương sự*: Xét biên nhận nợ ngày 30/3/2015 do bà H ký tên vay của bà D số tiền là 100.000.000 đồng. Biên nhận nợ kể trên thể hiện ý chí thỏa thuận của bên cho vay tài sản và bên vay tài sản được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005. Biên nhận không thể hiện thời hạn trả, không có ghi lãi suất nhưng bà D khai hai bên có thỏa thuận miệng khi nào bà D cần sẽ báo trước một tháng. Bà D đến đòi nhiều lần nhưng bà H không thực hiện nên bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Xét biên nhận nợ ngày 16/8/2017 do bà H ký tên vay của bà D số tiền là 70.000.000 đồng. Biên nhận nợ kể trên thể hiện ý chí thỏa thuận của bên cho vay tài sản và bên vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Biên nhận thể hiện hai bên thỏa thuận mỗi tháng bà H trả cho bà D 3.000.000 đồng nhưng bà H không thực hiện nên bà đã chậm thực hiện nghĩa vụ và vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 282, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì bà H phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh, đối chất số tiền đã vay, hoặc cung cấp chứng cứ đã thanh toán tiền cho bà D. Tuy nhiên, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, bà H không đến Tòa án cung cấp chứng cứ, đối chất về số tiền đã vay, đã thanh toán. Do đó, căn cứ vào lời khai và chứng cứ là biên nhận ngày 30/3/2015 và biên nhận ngày 16/8/2017 có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D đối với số tiền 170.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu ông T liên đới trả số tiền 170.000.000 đồng mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 07/12/2020, bà D đã yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng ngày 26/3/2021 bà đã rút lại yêu cầu này. Xét thấy việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu ông T liên đới trả nợ của bà D.

[4] *Về án phí*: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 282, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bạch D đối với yêu cầu ông Lê Ngọc T liên đới với bà Huỳnh Thị Thu H trả số tiền vay 170.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bạch D.

Buộc bà Huỳnh Thị Thu H có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Bạch D số tiền vốn vay là 170.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Thu H phải chịu 8.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch.

Trả lại cho bà Lê Thị Bạch D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004519 ngày 16/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND h. Chợ Gạo;
- Chi cục THADS h. Chợ Gạo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Huyền Ni